



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K
THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT QUỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K

Trụ sở chính: Sân KTTM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CA HN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Tel: (04) 44 500 668 - **Fax:** (04) 44 500 669

Email: thanglongkiemtoan@gmail.com

Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT QUỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 – 03
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	04 – 05
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
-	Bảng cân đối kế toán	06 – 08
-	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
-	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
-	Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
-	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Quốc trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Quốc (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 55/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006; Quyết định điều chỉnh số 27/UBCK-GP ngày 13/03/2009; Quyết định điều chỉnh số 60/UBCK-GCN ngày 13/03/2009; Quyết định điều chỉnh số 250/QĐ-UBCK ngày 21/07/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 3700770190 ngày 03/01/2007 và được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000298 lần đầu ngày 28/12/2006, thay đổi lần thứ 1 ngày 17/5/2007.

Tên giao dịch của Công ty: VIET QUOC SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Vốn điều lệ: **45.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ đồng).**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Quốc - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:

Các thành viên Hội đồng quản trị

1 Ông Nguyễn Văn Đính	Chủ tịch	Bầu ngày 8/10/2013
2 Ông Lê Việt Cường	Ủy viên	
3 Bà Bùi Thị Nụ	Ủy viên	

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc

1 Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG LIÊN QUAN ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

- Quyết định số 524/QĐ-UBCK ngày 27/8/2013 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Quốc - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh tạm ngừng hoạt động kể từ ngày 27/8/2013.

- Công ty có chủ trương tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01/04/2014 đến ngày 01/07/2014 để chuẩn bị nhân lực cho việc tái cơ cấu, sáp nhập. Công ty đã nộp hồ sơ xin tạm ngừng hoạt động lên Ủy ban chứng khoán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT QUỐC

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Nhà nước, đồng thời ra Thông báo số 31/2014/TB-VQS ngày 01/04/2014 đến các khách hàng của Công ty về việc này.

- Kế toán trưởng của Công ty – Bà Nguyễn Thị Lan Anh xin nghỉ việc, Công ty đã bổ nhiệm ông Trịnh Đức Mạnh làm phụ trách kế toán từ tháng 03 năm 2014.

- Tháng 8/2013, bà Nguyễn Thị Hương Giang – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đã bán toàn bộ số cổ phần của mình (số cổ phần này chiếm 80% tổng số cổ phần) cho 10 cá nhân khác. Cụ thể như sau:

STT	Bên mua	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
		đã bán	tương ứng
1	Ông Nguyễn Văn Đính	360.000	8%
2	Ông Nguyễn Trọng Toàn	360.000	8%
3	Ông Vũ Khắc Thích	360.000	8%
4	Ông Bùi Hải Tân	360.000	8%
5	Ông Nguyễn Đức Long	360.000	8%
6	Ông Nguyễn Tiến Dũng	360.000	8%
7	Ông Bùi Văn Quỳnh	360.000	8%
8	Bà Nguyễn Thị Vân	360.000	8%
9	Ông Trương Hoài Nam	360.000	8%
10	Ông Đỗ Việt Dũng	360.000	8%
Tổng cộng		3.600.000	80%

Theo đó, bà Nguyễn Thị Hương Giang thôi giữ chức chủ tịch hội đồng quản trị từ tháng 8/2013, ông Nguyễn Văn Đính đã được bầu thay thế vào vị trí này từ ngày 08 tháng 10 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K (trước đây là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K) là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, ngoài sự kiện phát sinh sau năm tài chính nêu trên, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào khác

có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thành Nam

Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT QUỐC

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2014



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội

: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CAHN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Tel: (04) 44 500 668

- Fax: (04) 44 500 669

Chi nhánh Miền nam

: C14, Quang Trung, phường 11

- Tel: (08)3 589 7462

- Fax: (08)3 589 7464

Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM

: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM

- Tel: (08)3 848 0763

- Fax: (08)3 526 7187

Chi nhánh Đà Nẵng

: Số 42 Trần Tổng, TP. Đà Nẵng

- Tel: (0511)3 651 818

- Fax: (0511)3 651 868

Chi nhánh Lạng Sơn

: Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu

- Tel: (025)3 718 545

- Fax: (025)3 716 264

Số: 109 /2014/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Quốc

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT QUỐC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Quốc, được lập ngày 25 tháng 08 năm 2014, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Quốc tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm

tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc rõ rằng: Các khoản phải thu đã hết hạn thanh toán theo hợp đồng và đã được gia hạn đến tháng 03/2014 có giá trị là 16.905.408.657 VND nhưng đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty vẫn chưa thu hồi được. Yếu tố này dẫn đến sự nghi ngờ về khả năng thu hồi nợ, ảnh hưởng đến khả năng hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2014

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



TÙ QUỲNH HẠNH

PHAN VĂN THUẬN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0313-2013-045-1

Số: 2024-2013-045-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.096.528.292	29.642.092.556
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		41.113.898	5.592.712.717
1. Tiền	111	V.01	41.113.898	5.592.712.717
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.02	18.495.379.750	23.530.324.855
1. Phải thu khách hàng	131		377.670.400	408.670.400
2. Trả trước cho người bán	132		0	427.158.255
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		12.057.452.413	7.709.597.582
5. Các khoản phải thu khác	138		6.060.256.937	14.984.898.618
IV. Hàng tồn kho	140		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		560.034.644	519.054.984
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.03	0	4.140.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		221.861.450	201.745.248
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		33.364.801	39.594.707
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	304.808.393	273.575.029
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.235.680.505	8.299.485.899
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		3.763.637.588	5.846.060.643
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	377.742.686	1.003.899.705
- Nguyên giá	222		5.555.834.537	6.426.018.537
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.178.091.851)	(5.422.118.832)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	3.385.894.902	4.842.160.938
- Nguyên giá	228		8.955.517.087	8.955.517.087
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.569.622.185)	(4.113.356.149)
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.472.042.917	2.453.425.256
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	426.714.090	1.313.180.029
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.08	1.045.328.827	1.045.328.827
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.09	0	94.916.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		24.332.208.797	37.941.578.455

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		3.521.283.886	12.783.727.730
I. Nợ ngắn hạn	310		3.521.283.886	12.783.727.730
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	1.141.062.046	5.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		118.797.928	210.779.814
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	139.319.806	46.171.706
5. Phải trả người lao động	315		868.042.069	360.556.432
6. Chi phí phải trả	316	V.12	0	145.833.333
8. Phải trả, phải nộp khác	317	V.13	116.506.850	579.811.218
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		1.137.555.187	6.440.575.227
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.810.924.911	25.157.850.725
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	20.810.924.911	25.157.850.725
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.961.920	5.451.920
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(24.194.037.009)	(19.847.601.195)
II. Nguồn vốn, quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		24.332.208.797	37.941.578.455

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		0	0
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		0	0
3. Tài sản nhận ký cược	003		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		0	0
5. Ngoại tệ các loại	005		0	0
6. Chứng khoán lưu ký	006		62.252.820.000	91.494.440.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		62.104.650.000	43.128.310.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		62.104.650.000	43.097.810.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		0	30.500.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		0	16.000.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		0	16.000.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		85.000.000	1.865.100.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		85.000.000	1.865.100.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		63.170.000	46.485.030.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		63.170.000	46.485.030.000
7. Chứng khoán lưu ký của thành viên nước ngoài			30.500.000	0
7.1 Chứng khoán lưu ký của thành viên nước ngoài	30		30.500.000	0
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của người đầu tư thành viên nước ngoài			30.500.000	0

Lập, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



TRỊNH ĐỨC MẠNH



NGUYỄN THÀNH NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	1	VI.15	2.317.028.740	8.568.601.952
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		187.687.795	405.390.886
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		15.909.091	121.900.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		30.921.156	19.079.500
- Doanh thu khác	01.9		2.082.510.698	8.022.231.566
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		2.317.028.740	8.568.601.952
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.16	3.577.618.482	6.956.707.957
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(1.260.589.742)	1.611.893.995
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.17	2.941.182.455	9.535.530.277
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.201.772.197)	(7.923.636.282)
8. Thu nhập khác	31	VI.18	142.249.853	3.358.182.989
9. Chi phí khác	32	VI.19	254.735.071	327.927.187
10. Lợi nhuận khác	40		(112.485.218)	3.030.255.802
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.314.257.415)	(4.893.380.480)
12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.20	0	0
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.314.257.415)	(4.893.380.480)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(959)	(1.087)

Lập, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Người lập

Phụ trách kế toán



TRINH ĐỨC MẠNH



Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(4.314.257.415)	(4.893.380.481)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	1.842.832.725	2.040.544.712
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	97.340.487	(2.733.681.330)
- Chi phí lãi vay	06	238.596.505	1.254.375.821
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.135.487.698)	(4.332.141.278)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.921.082.732	40.016.897.153
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.403.505.890)	(43.280.335.259)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	890.605.939	1.988.538.169
- Tiền lãi vay đã trả	13	(238.596.505)	(1.254.375.821)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	101.146.306	1.222.378.495
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(52.784.602)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.917.539.717)	(5.639.038.541)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	0	(46.312.944)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	142.249.843	283.575.403
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.170.717.620)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đv khác	24	8.119.988.052	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	133.358.577	2.733.681.330
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	224.878.852	2.970.943.789
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11.394.780.258	15.379.087.838
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(15.253.718.212)	(10.379.087.838)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.858.937.954)	5.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.551.598.819)	2.331.905.248
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.592.712.717	3.260.807.469
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	41.113.898	5.592.712.717

Lập, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





TRỊNH ĐỨC MẠNH

NGUYỄN THÀNH NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu		Số tăng/ giảm				Số dư cuối	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		45.000.000.000	45.000.000.000	0	0	0	0	45.000.000.000	45.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		5.451.920	5.451.920	0	0	0	490.000	5.451.920	4.961.920
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(14.954.220.715)	(19.847.601.195)	0	4.893.380.480		4.346.435.815	(19.847.601.195)	(24.194.037.010)
Cộng		30.051.231.205	25.157.850.725	0	4.893.380.480	0	4.346.925.815	25.157.850.725	20.810.924.910

Người lập

Phụ trách kế toán

Lập, ngày 25 tháng 08 năm 2014



Trịnh Đức Mạnh

TRỊNH ĐỨC MẠNH

NGUYỄN THÀNH NAM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Quốc (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 55/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006; Quyết định điều chỉnh số 27/UBCK-GP ngày 13/03/2009; Quyết định điều chỉnh số 60/UBCK-GCN ngày 13/03/2009; Quyết định điều chỉnh số 250/QĐ-UBCK ngày 21/07/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 3700770190 ngày 03/01/2007 và được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000298 lần đầu ngày 28/12/2006, thay đổi lần thứ 1 ngày 17/5/2007.

Tên giao dịch của Công ty: VIET QUOC SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Vốn điều lệ: **45.000.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ đồng).**

Cơ cấu vốn điều lệ

STT	Tên thành viên	Tình hình góp vốn đến 31/12/2013		
		Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Trương Hoài Nam	360.000	3.600.000.000	8
2	Ông Lê Việt Cường	450.000	4.500.000.000	10
3	Bà Bùi Thị Nụ	450.000	4.500.000.000	10
4	Ông Nguyễn Văn Đính	360.000	3.600.000.000	8
5	Ông Nguyễn Trọng Toàn	360.000	3.600.000.000	8
6	Ông Vũ Khắc Thích	360.000	3.600.000.000	8
7	Ông Bùi Hải Tân	360.000	3.600.000.000	8
8	Ông Nguyễn Đức Long	360.000	3.600.000.000	8
9	Ông Nguyễn Tiến Dũng	360.000	3.600.000.000	8
10	Ông Bùi Văn Quỳnh	360.000	3.600.000.000	8
11	Bà Nguyễn Thị Vân	360.000	3.600.000.000	8
12	Ông Đỗ Việt Dũng	360.000	3.600.000.000	8
	Tổng cộng	4.500.000	45.000.000.000	100

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch huỷ lệnh, sửa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

2.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT – BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty đang thực hiện rà soát các khoản công nợ phải thu và thống nhất phương án trả nợ với các đối tượng nợ. Do thị trường chứng khoán vẫn còn ảm đạm, một số khách hàng chưa thu xếp được đã xin gia hạn nợ và đã được Công ty chấp thuận.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	3 - 6 năm
- Phương tiện vận tải	6 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
- Phần mềm kế toán	3 - 6 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí hoạt động kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định
- Chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: Chi phí lãi vay, chi phí thuê văn phòng và các chi phí phải trả khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Doanh thu hoạt động tư vấn:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán:

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác:

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của ông ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
01. Tiền		Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt		3.182.672	4.225.498.968
- Tiền gửi ngân hàng và thanh toán bù trừ		37.931.226	1.367.213.749
Trong đó:			
+ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán		29.818.061	1.343.361.885
Cộng		41.113.898	5.592.712.717

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

		<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
Chỉ tiêu	Khối lượng GD thực hiện trong kỳ	Giá trị KLGD thực hiện trong kỳ	
a. Của công ty chứng khoán	0		0
- Cổ phiếu	0		0
- Trái phiếu	0		0
- Chứng khoán khác	0		0
b. Của nhà đầu tư	5.695.100		45.871.719.000
- Cổ phiếu	5.695.100		45.871.719.000
- Trái phiếu	0		0
- Chứng khoán khác	0		0
Tổng cộng	5.695.100		45.871.719.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT QUỐC

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

02. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ		Số khó đòi	Số PS trong năm		Số cuối năm			Số dự phòng
	Trong kỳ	Số quá hạn		Tăng	Giảm	Trong kỳ	Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Phải thu của khách hàng	408.670.400	0	0	117.500.000	148.500.000	377.670.400	377.670.400	0	0
2. Trả trước cho người bán	427.158.255	0	0	0	427.158.255	0	0	0	0
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	7.709.597.582	7.709.597.582	0	6.224.524.048	1.876.669.217	12.057.452.413	12.057.452.413	0	0
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	7.709.597.582	7.709.597.582	0	6.224.524.048	1.876.669.217	12.057.452.413	12.057.452.413	0	0
4. Phải thu khác	14.984.898.618	14.932.898.618	0	12.502.899.196	21.427.540.877	6.060.256.937	6.060.256.937	0	0
- Phải thu hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	52.000.000	0	0	3.828.102.065	3.880.102.065	0	0	0	0
- Phải thu Hợp đồng hợp tác đầu tư với Lê Hồng Sơn	8.119.988.052	8.119.988.052	0	0	8.119.988.052	0	0	0	0
- Phải thu Hợp đồng hợp tác đầu tư với Lê Văn Xem (*)	0	0	0	8.170.717.620	7.693.556.579	477.161.041	477.161.041	0	0
- Các đối tượng khác	6.812.910.566	6.812.910.566	0	504.079.511	1.733.894.181	5.583.095.896	5.583.095.896	0	0
Tổng cộng:	23.530.324.855	22.642.496.200	0	18.844.923.244	23.879.868.349	18.495.379.750	18.495.379.750	0	0

(*) Phải thu theo HĐ Ủy thác đầu tư số 1/2013/HĐHTĐT ngày 13/01/2013

Đối tượng: Chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thời hạn hợp tác: 03 tháng

03. Chi phí trả trước ngắn hạn
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ
Cộng

<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
0	4.140.000
0	4.140.000

04. Tài sản ngắn hạn khác
- Tạm ứng
- Tài sản thiếu chờ xử lý
Cộng

<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
89.212.764	57.979.400
215.595.629	215.595.629
304.808.393	273.575.029

05. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
Số dư đầu năm	398.796.335	870.184.000	5.157.038.202	6.426.018.537
- Thanh lý, nhượng bán	0	(870.184.000)	0	(870.184.000)
Số dư cuối năm	398.796.335	0	5.157.038.202	5.555.834.537
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	381.588.781	553.424.827	4.487.105.224	5.422.118.832
- Khấu hao trong kỳ	17.207.554	0	369.359.135	386.566.689
- Tăng khác	0	77.168.843	0	77.168.843
- Thanh lý, nhượng bán	0	(630.593.670)	0	(630.593.670)
- Giảm khác	0	0	(77.168.843)	(77.168.843)
Số dư cuối năm	398.796.335	0	4.779.295.516	5.178.091.851
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH				
- Tại ngày đầu năm	17.207.554	316.759.173	669.932.978	1.003.899.705
- Tại ngày cuối năm	0	0	377.742.686	377.742.686

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm tin học	Tổng Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu năm	8.955.517.087	8.955.517.087
Số dư cuối năm	8.955.517.087	8.955.517.087
II. Giá trị hao mòn lũy kế		0
Số dư đầu năm	4.113.356.149	4.113.356.149
- Khấu hao trong kỳ	1.456.266.036	1.456.266.036
Số dư cuối năm	5.569.622.185	5.569.622.185
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH		0
- Tại ngày đầu năm	4.842.160.938	4.842.160.938
- Tại ngày cuối năm	3.385.894.902	3.385.894.902

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT QUỐC

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
07. Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí sửa chữa văn phòng	380.447.743	1.223.548.975
- Chi phí quảng cáo	0	62.464.020
- Chi phí khác	46.266.347	27.167.034
Cộng	426.714.090	1.313.180.029
08. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số dư đầu năm	943.127.120	943.127.120
- Tiền lãi phân bổ trong năm	102.201.707	102.201.707
- Số dư cuối năm	1.045.328.827	1.045.328.827
09. Tài sản dài hạn khác	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	0	94.916.400
Cộng	0	94.916.400
10. Vay và nợ ngắn hạn	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vay ngắn hạn của cá nhân	1.141.062.046	5.000.000.000
+ Đào Thu Thủy	0	5.000.000.000
+ Nguyễn Thành Nam	253.300.000	0
+ Nguyễn Thị Minh Thành	80.000.000	0
+ Nguyễn Thị Hương Giang	556.374.730	0
+ Nguyễn Thanh Kỳ	251.387.316	0
Cộng	1.141.062.046	5.000.000.000
11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Thuế thu giá trị gia tăng	39.275.039	46.171.706
- Thuế thu nhập cá nhân	91.805.166	0
- Các loại thuế khác	8.239.601	0
Cộng	139.319.806	46.171.706
12. Chi phí phải trả	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Chi phí lãi vay phải trả Đào Thu Thủy	0	145.833.333
Cộng	0	145.833.333
13. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- BH xã hội, BH y tế, BH thất nghiệp	86.079.725	24.741.225
- Các khoản khác	30.427.125	555.069.993
Cộng	116.506.850	579.811.218

14. Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I - Vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.000.000.000	0	0	45.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính (*)	5.451.920	0	(490.000)	4.961.920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (**)	(19.847.601.195)	0	(4.346.435.814)	(24.194.037.009)
Tổng cộng	25.157.850.725	0	(4.346.925.814)	20.810.924.911

(*) Chi tiết giảm trong năm: Dùng quỹ dự phòng tài chính xử lý lỗi giao dịch

(**) Chi tiết giảm trong năm:

- Lỗ trong năm: 4.314.257.415 VND

- Xử lý khoản đặt cọc: 32.178.400 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT QUỐC

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Bà Nguyễn Thị Hương Giang	0	36.000.000.000
- Ông Lê Việt Cường	4.500.000.000	4.500.000.000
- Bà Bùi Thị Nụ	4.500.000.000	4.500.000.000
- Ông Nguyễn Văn Đính	3.600.000.000	0
- Ông Nguyễn Trọng Toàn	3.600.000.000	0
- Ông Vũ Khắc Thích	3.600.000.000	0
- Ông Bùi Hải Tân	3.600.000.000	0
- Ông Nguyễn Đức Long	3.600.000.000	0
- Ông Nguyễn Tiến Dũng	3.600.000.000	0
- Ông Bùi Văn Quỳnh	3.600.000.000	0
- Bà Nguyễn Thị Vân	3.600.000.000	0
- Ông Tưởng Hoài Nam	3.600.000.000	0
- Ông Đỗ Việt Dũng	3.600.000.000	0
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Đơn vị tính: VND

15. Doanh thu	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	187.687.795	405.390.886
- Doanh thu hoạt động tư vấn	15.909.091	121.900.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	30.921.156	19.079.500
- Doanh thu khác	2.082.510.698	8.022.231.566
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lãi từ các Hợp đồng dịch vụ tài chính</i>	<i>1.999.606.047</i>	<i>7.485.255.443</i>
Cộng	2.317.028.740	8.568.601.952
16. Chi phí hoạt động kinh doanh	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí môi giới kinh doanh chứng khoán	412.717.937	491.540.771
- Chi phí hoạt động tư vấn	0	99.322.004
- Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	55.379.066	68.832.747
- Chi phí lãi vay	238.596.505	1.254.375.821
- Chi phí trực tiếp chung	2.870.924.974	5.042.636.614
Cộng	3.577.618.482	6.956.707.957
17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.130.047.679	1.986.053.115
- Chi phí vật liệu quản lý	5.089.000	16.209.332

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT QUỐC

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

- Chi phí đồ dùng văn phòng	33.024.271	360.019.536
- Chi phí khấu hao TSCĐ	0	15.253.334
- Thuế, phí, lệ phí	29.064.088	10.690.972
- Dự phòng	0	2.022.002.700
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	646.488.344	2.605.560.641
- Chi phí bằng tiền khác	1.097.469.073	2.519.740.647
Cộng	2.941.182.455	9.535.530.277

18. Thu nhập khác	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	142.249.843	283.575.403
- Hoàn nhập dự phòng	0	3.011.876.420
- Các khoản khác	10	62.731.166
Cộng	142.249.853	3.358.182.989

19. Chi phí khác	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	239.590.330	221.773.503
- Chi phí khác	15.144.741	106.153.684
Cộng	254.735.071	327.927.187

20. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Năm nay</i>
1. Tổng lợi nhuận kết toán trước thuế	(4.314.257.415)
2. Các khoản thu nhập không được tính vào thu nhập chịu thuế TNDN	0
3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế(*)	0
4. Số lỗ kết chuyển	0
5. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm (4=1-2+3-4)	(4.314.257.415)
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành	0

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****1.1. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

1.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	41.113.898	41.113.898
- Các khoản phải thu khách hàng	377.670.400	377.670.400

- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	12.057.452.413	12.057.452.413
- Phải thu khác	6.060.256.937	6.060.256.937

1.3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Số dư ngày 31/12/2013

- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	1.141.062.046
- Phải trả người bán	118.797.928
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.137.555.187

1.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty liên tục nghiên cứu và theo dõi đối biến động giá cả các mã chứng khoán để đưa ra những quyết định mang lại lợi ích cho Công ty.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	118.797.928		118.797.928
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.137.555.187		1.137.555.187

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K (nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K) và đã được điều chỉnh hồi tố các chỉ tiêu sau:

+ Liên quan đến Bảng Cân đối kế toán – cột “Số đầu năm”: chỉ tiêu “Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán” (Mã số 135) tăng 5.025.123.615 đồng; chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (Mã số 420) tăng 5.025.123.615 đồng.

+ Liên quan đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – cột “Năm trước”: chỉ tiêu “Doanh thu” (Mã số 01) tăng 5.025.123.615 đồng.

+ Liên quan đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ – cột “Năm trước”: chỉ tiêu “Lợi nhuận trước thuế” (Mã số 01) tăng 5.025.123.615 đồng; chỉ tiêu “Tăng, giảm các khoản phải thu” (Mã số 09) giảm 5.025.123.615 đồng.

- Nguyên nhân điều chỉnh: Do trong kỳ phát hiện khoản doanh thu của các Hợp đồng dịch vụ tài chính (gồm: Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết, Hợp đồng nguyên tắc bán quyền bán chứng khoán, Hợp đồng hỗ trợ vốn đầu tư) bỏ sót từ các kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT QUỐC

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

- Các bút toán điều chỉnh hồi tố:

1	Điều chỉnh tăng doanh thu từ các Hợp đồng dịch vụ tài chính	Nợ	TK 135	5.025.123.615
		Có	TK 511	5.025.123.615
2	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh	Nợ	TK 511	5.025.123.615
		Có	TK 911	5.025.123.615
3	Kết chuyển lãi lỗ	Nợ	TK 911	5.025.123.615
		Có	TK 421	5.025.123.615

3. Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)	
			Năm 2013	Năm 2012
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Quốc	Là công ty có 50% vốn của 02 cổ đông lớn của Công ty và 50% vốn của thành viên Ban Tổng Giám đốc	Trả tiền thuê văn phòng, trả tiền điện nước	179.999.998	2.028.408.235
Bà Bùi Thị Nụ	Ủy viên Hội đồng quản trị	Hợp đồng vay cá nhân số 01/2013/HĐTD, thời hạn vay 6 tháng với lãi suất 7%/năm và số 02/2013/HĐTD thời hạn 3 tháng với lãi suất 7%/năm.	4.867.500.000	0
Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc	Tất toán hợp đồng hợp tác đầu tư số 15/2011/HĐHTĐT ngày 01/01/2011 bằng tiền mặt	0	12.055.579.205
Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	6.000.000	5.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc	Hoàn tạm ứng	7.000.000	525.594.681

4. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung số dư	Số tiền (VND)	
			Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Quốc	Là công ty có 50% vốn của 02 cổ đông lớn của Công ty và 50% vốn của thành viên Ban Tổng Giám đốc	Phải trả	265.057.614	855.696.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc	Phải thu tạm ứng	4.000.000	525.594.681
Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc	Phải trả	253.300.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT QUỐC

Địa chỉ: Số 21 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Lập, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Người lập

Phụ trách kế toán



TRỊNH ĐỨC MẠNH



Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH NAM